

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 475/2018/HNGĐ-ST

Ngày : 12 – 10 – 2018

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Sương;

2. Ông Diệp Hoàng Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Dương Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

Trong ngày 12 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 468/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 194/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Võ Văn PM, sinh năm 1983. Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã P, huyện F, tỉnh An Giang. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Phạm Thị T, sinh năm 1985. Địa chỉ cư trú: Khu dân cư ấp B, xã P, huyện F, tỉnh An Giang (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 8 năm 2018, nguyên đơn ông PM trình bày như sau: Năm 2004, ông Phương và bà T chung sống với nhau nhưng chưa đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống ban đầu hạnh phúc, về sau cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên gây cãi, đã ly thân cách nay 04 năm. Nay ông PM yêu cầu được ly hôn với bà T. Thời gian chung sống có 02 con chung tên Võ K, sinh ngày 24/11/2005 và Võ V, sinh ngày 16/01/2014, hiện đang hai con chung do bà T trực tiếp nuôi. Khi ly hôn, ông PM đồng ý để bà T tiếp tục nuôi hai con chung, do bà T không yêu cầu cấp dưỡng cho con chung nên ông PM không cấp dưỡng. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, bà T trình bày ý kiến: Thống nhất thời gian chung sống, vợ chồng chưa đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống, tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cãi vã, thực tế sống ly thân đã lâu. Bà T đồng ý ly hôn với ông PM. Vợ chồng thống nhất có 02 con chung tên Võ K, sinh ngày 24/11/2005 và Võ V, sinh ngày 16/01/2014, hiện đang do bà T trực tiếp nuôi, bà T yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông PM cấp dưỡng cho con. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết;

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn ông PM vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn; đồng ý giao con chung cho bà T tiếp tục nuôi, tự nguyện cấp dưỡng cho hai con chung mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi hai con thành niên và có khả năng lao động được. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết;

- Bị đơn bà T: Thống nhất ly hôn, tiếp tục nuôi hai con chung, đồng ý về việc ông Phương tự nguyện cấp dưỡng cho hai con là 2.000.000đ/tháng cho đến khi hai con thành niên và có khả năng lao động được. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Ông PM và bà T đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp B, xã P, huyện F, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông PM và bà T đều thống nhất thời gian chung sống từ năm 2004 nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Các đương sự có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng chưa đăng ký kết hôn là không đúng quy định tại khoản 5 Điều 3, khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014 nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Đồng thời, ông PM và bà T đều thống nhất ly hôn, xác định không còn tình cảm nên không thể tiếp tục chung sống, thời gian ly thân đã lâu. Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Võ Văn PM với bà Phạm Thị T.

- Về quan hệ con chung: Thời gian chung sống, ông PM và bà T đều thống nhất có 02 con chung tên Võ K, sinh ngày 24/11/2005 và Võ V, sinh ngày 16/01/2014, hiện đang do bà T trực tiếp nuôi. Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, con chung tên Võ K có nguyện vọng được sống với bà T. Tại phiên tòa, ông PM và bà T thống nhất bà T trực tiếp nuôi hai con chung. Về cấp dưỡng cho hai con, ông PM tự nguyện cấp dưỡng với mức cấp dưỡng là 2.000.000đ/tháng/02con chung cho đến khi hai con chung thành niên và có khả năng lao động được, bà T đồng ý mức cấp dưỡng của ông PM nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung của ông PM. Bà T cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông PM thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ông PM phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2016/0010147 ngày 10 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 246; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 5 Điều 3; Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Khoản 1, khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Căn cứ Điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Võ Văn PM với bà Phạm Thị T.

- Về quan hệ con chung:

+ Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận về việc nuôi hai con chung, bà Phạm Thị T trực tiếp nuôi con 02 chung tên Võ K, sinh ngày 24/11/2005 và Võ V, sinh ngày 16/01/2014;

+ Về cấp dưỡng cho con chung: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận ông Võ Văn PM cấp dưỡng cho hai con chung tên Võ K và Võ Bảo Xuyên với mức cấp dưỡng là 2.000.000đ/tháng/hai con chung cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động được.

+ Bà Phạm Thị T cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông PM thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn ông Võ Văn PM phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự về việc cấp dưỡng cho con, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2016/0010147 ngày 10 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú. Ông Võ Văn PM còn phải chịu thêm 300.000đ án phí dân sự về việc cấp dưỡng cho con.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND.AG;
- VKSND.HCP;
- THA HCP;
- Đương sự (Để thi hành);
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Yến Anh

